

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

Gửi BTP thẩm định

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 162/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 23/2017/NĐ-CP và Nghị định số 37/2022/NĐ-CP

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính số 67/2020/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính số 88/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 162/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 23/2017/NĐ-CP và Nghị định số 37/2022/NĐ-CP.

Điều 1. Sửa đổi tên Điều 3, bổ sung khoản 1a và khoản 1b vào sau khoản 1 Điều 3 như sau:

1. Sửa đổi tên Điều 3 như sau:

“Điều 3. Mức phạt tiền, hình thức xử phạt, thẩm quyền phạt tiền và nguyên tắc xử phạt”.

2. Bổ sung khoản 1a và khoản 1b vào sau khoản 1 như sau:

“1a. Các hình thức xử phạt chính quy định tại Nghị định này bao gồm:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền.

1b. Các hình thức xử phạt bổ sung quy định tại Nghị định này bao gồm:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn;

b) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính (sau đây gọi chung là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính);

d) Trục xuất.”.

Điều 2. Bổ sung khoản 6 và khoản 7 vào sau khoản 5 Điều 4 như sau:

“6. Buộc đưa hàng hoá về địa điểm (kho, bãi ...) hoặc phương tiện được phép lưu giữ, vận chuyển theo quy định.

7. Buộc nộp lại chứng chỉ chuyên môn, sổ thuyền viên, hộ chiếu thuyền viên theo quy định.”.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 5 như sau:

“9. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc người và tàu thuyền vi phạm rời khỏi vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 5, 6 và 7 Điều này;

b) Buộc nộp lại số tiền bằng với giá trị tang vật vi phạm hành chính trong trường hợp tang vật vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 5, 6 và 7 Điều này.”.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 8 như sau:

“5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc người và tàu thuyền vi phạm rời khỏi vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Buộc nộp lại số tiền bằng với giá trị tang vật vi phạm hành chính trong trường hợp tang vật vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.”.

Điều 5. Sửa đổi khoản 2, bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 8a như sau:

1. Sửa đổi khoản 2 như sau:

“2. Hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm i khoản 1 Điều này”.

2. Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 như sau:

“3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại số tiền bằng với giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong trường hợp tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm i khoản 1 Điều này.”.

Điều 6. Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 9 Điều 8b như sau:

“c) Buộc nộp lại số tiền bằng với giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong trường hợp tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu

thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này.”.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 10 như sau:

“3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc người và tàu thuyền vi phạm rời khỏi vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc nộp lại số tiền bằng với giá trị tang vật vi phạm hành chính trong trường hợp tang vật vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.”.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 11 như sau:

“3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc người và tàu thuyền vi phạm rời khỏi vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này;

b) Buộc nộp lại số tiền bằng với giá trị tang vật vi phạm hành chính trong trường hợp tang vật vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.”.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 12 như sau:

“4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc người và tàu thuyền nước ngoài vi phạm rời khỏi vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và 2 Điều này;

b) Buộc nộp lại số tiền bằng với giá trị tang vật vi phạm hành chính trong trường hợp tang vật vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và 2 Điều này.”.

Điều 10. Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 8 Điều 13 như sau:

“c) Buộc nộp lại số tiền bằng với giá trị tang vật vi phạm hành chính trong trường hợp tang vật vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 và 6 Điều này.”.

Điều 11. Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 4 Điều 14 như sau:

“c) Buộc nộp lại số tiền bằng với giá trị tang vật vi phạm hành chính trong trường hợp tang vật vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này.”.

Điều 12. Sửa đổi khoản 3 và bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 Điều 15 như sau:

1. Sửa đổi khoản 3 như sau:

“3. Hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu tang vật vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a và c khoản 1 và 2 Điều này.”.

2. Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 như sau:

“4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc đưa hàng hoá về địa điểm (kho, bãi ...) hoặc phương tiện được phép lưu giữ, vận chuyển theo quy định;

b) Buộc nộp lại số tiền bằng với giá trị tang vật vi phạm hành chính trong trường hợp tang vật vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a và c khoản 1 và 2 Điều này.”.

Điều 13: Sửa đổi khoản 7 và bổ sung khoản 8 vào sau khoản 7 Điều 16 như sau:

1. Sửa đổi khoản 7 như sau:

“7. Hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn của thuyền trưởng có thời hạn từ 01 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2;”.

2. Bổ sung khoản 8 vào sau khoản 7 như sau:

“8. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 4 Điều này.”.

Điều 14. Sửa đổi khoản 4, bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 Điều 17 như sau:

1. Sửa đổi khoản 4 như sau:

“4. Hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng chứng chỉ chuyên môn từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.”.

2. Bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 như sau:

“5. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại chứng chỉ chuyên môn, sổ thuyền viên, hộ chiếu thuyền viên đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.”.

Điều 15. Bổ sung khoản 6 vào sau khoản 5 Điều 23 như sau:

“6. Buộc nộp lại số tiền bằng với giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong trường hợp tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.”.

Điều 16. Sửa đổi khoản 3, bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 10 Điều 26 như sau:

1. Sửa đổi khoản 3 như sau:

“3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:”.

2. Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 10 như sau:

“c) Buộc nộp lại số tiền bằng với giá trị phương tiện vi phạm hành chính trong trường hợp phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều này.”.

Điều 17. Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 7 Điều 26c như sau:

“c) Buộc nộp lại số tiền bằng với giá trị phương tiện vi phạm hành chính trong trường hợp phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm e khoản 5 Điều này.”.

Điều 18. Sửa đổi khoản 5 Điều 27 như sau:

“5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định đối với các hành vi vi phạm tại Điều này;

“b) Buộc nộp lại số tiền bằng với giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong trường hợp tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.”.

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung Điều 28 như sau:

“Điều 28. Thẩm quyền xử phạt của Cảnh sát biển Việt Nam

1. Cảnh sát viên Cảnh sát biển đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này.

2. Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng.
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

3. Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát biển có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c và e khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính và các khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 4 Nghị định này.

4. Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 300.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, d, e và i khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính và các khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 4 Nghị định này.

5. Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển; Đoàn trưởng Đoàn Trinh sát, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy thuộc Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 500.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, d, e và i khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính và các khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 4 Nghị định này.

6. Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và Pháp luật thuộc Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 800.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

7. Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.”.

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung Điều 29 như sau:

“Điều 29. Thẩm quyền xử phạt của Bộ đội Biên phòng

Bộ đội Biên phòng có quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại Chương II Nghị định này thuộc lĩnh vực, phạm vi địa bàn quản lý của mình như sau:

1. Chiến sĩ Bộ đội Biên phòng đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này.

2. Trạm trưởng, Đội trưởng của Chiến sĩ Biên phòng đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c và e khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

3. Đội trưởng Đội đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 150.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c và e khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

4. Đoàn trưởng Đoàn Biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội Biên phòng, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Biên phòng Cửa khẩu cảng có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 300.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

5. Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 500.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

6. Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng; Hải đoàn trưởng Hải đoàn Biên phòng, Cục trưởng Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.”.

Điều 21. Sửa đổi, bổ sung Điều 29a như sau:

“Điều 29a. Thẩm quyền xử phạt của lực lượng Công an nhân dân

Công an nhân dân có quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại Chương II Nghị định này thuộc lĩnh vực, phạm vi địa bàn quản lý của mình như sau:

1. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:
 - a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;
 - c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;
2. Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp đại đội có quyền:
 - a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng;
 - c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;
 - d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c và e khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.
3. Trưởng đồn Công an, Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp tiểu đoàn, Thủy đội trưởng, Trưởng trạm, Đội trưởng có quyền:
 - a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền đến 300.000.000 đồng;
 - c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c và e khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

4. Trưởng Công an cấp xã có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

5. Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc: Cục An ninh kinh tế, Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Cục Cảnh sát giao thông, Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp trung đoàn; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng An ninh kinh tế, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát cơ động, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 800.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

6. Trưởng phòng Quản lý xuất nhập cảnh thuộc Công an cấp tỉnh có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại khoản 5 Điều này và có quyền quyết định áp dụng hình thức xử phạt trực xuất.

7. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng hình thức xử phạt trực xuất;

e) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

8. Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Cục trưởng Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

9. Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại khoản 8 Điều này và có quyền quyết định áp dụng hình thức xử phạt trực xuất.”.

Điều 22. Sửa đổi, bổ sung Điều 30 như sau:

“Điều 30. Thẩm quyền xử phạt của Hải quan

Hải quan có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại Điều 5, Điều 15 và Điều 17 Nghị định này thuộc lĩnh vực, phạm vi địa bàn quản lý của mình như sau:

1. Công chức Hải quan đang thi hành công vụ có quyền:
 - a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;
 - c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này.
2. Đội trưởng Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu, Đội trưởng Đội Phúc tập và Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội Thông quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu; Đội trưởng Đội Kiểm tra sau thông quan khu vực thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan có quyền:
 - a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền đến 300.000.000 đồng;
 - c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;
 - d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các khoản 2, 6 và 7 Điều 4 Nghị định này.

3. Chi cục trưởng Chi cục Điều tra chống buôn lậu, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 500.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- d) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các khoản 2, 6 và 7 Điều 4 Nghị định này.

4. Cục trưởng Cục Hải quan có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- d) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các khoản 2, 6 và 7 Điều 4 Nghị định này.”.

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung Điều 31 như sau:

“Điều 31. Thẩm quyền xử phạt của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam

Các chức danh tại Điều này có quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm được quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 24 và Điều 25 Nghị định này thuộc lĩnh vực, phạm vi địa bàn quản lý của mình như sau:

1. Trưởng đại diện Cảng vụ Hàng hải có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 250.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

2. Chi cục trưởng Chi cục Hàng hải và Đường thủy phía Bắc, Chi cục trưởng Chi cục Hàng hải và Đường thủy phía Nam, Giám đốc Cảng vụ hàng hải có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 500.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

3. Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;

- b) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.”.

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung Điều 31a như sau:

“Điều 31a. Thẩm quyền xử phạt của Quản lý thị trường

Quản lý thị trường có quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 15 Nghị định này, thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý của mình như sau:

1. Kiểm soát viên thị trường đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này.

2. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường thuộc Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 300.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

3. Chi Cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường, Trưởng phòng Nghiệp vụ Quản lý thị trường thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 500.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

4. Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Điều 31b

“Điều 31b. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân

Chủ tịch Ủy ban nhân dân có quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý của địa phương mình như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, đặc khu có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 500.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này;

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.”

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung Điều 32

“Điều 32. Thẩm quyền xử phạt của Kiểm ngư

Lực lượng Kiểm Ngư có quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại các Điều 7, Điều 10, Điều 11, khoản 1 Điều 12, Điều 15, Điều 19, khoản 1 Điều 20, khoản 1 và điểm a khoản 3 Điều 21 Nghị định này thuộc lĩnh vực, phạm vi địa bàn quản lý của mình như sau:

1. Kiểm ngư viên đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

2. Trạm trưởng Trạm Kiểm ngư thuộc Chi cục Kiểm ngư vùng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, e, h và i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 4 Nghị định này.

3. Chi cục trưởng Chi cục Kiểm ngư vùng thuộc Cục Thủy sản và Kiểm ngư; Chi cục trưởng Chi cục về lĩnh vực thủy sản, kiểm ngư thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

4. Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- d) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.”

Điều 27. Sửa đổi, bổ sung Điều 32a

“Điều 32a. Thẩm quyền của Thanh tra

Lực lượng thanh tra có quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm liên quan trực tiếp đến nội dung thanh tra, lĩnh vực quản lý của mình được quy định tại Chương II Nghị định này như sau:

1. Thanh tra viên Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này.

2. Trưởng đoàn thanh tra Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 500.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

3. Chánh Thanh tra Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 800.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

Điều 28. Thay thế một cụm từ tại Nghị định số 162/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 23/2017/NĐ-CP và Nghị định số 37/2022/NĐ-CP

Thay thế cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại Điều 8b.

Điều 29. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NC (2b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG